

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM  
Số: 265 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 10 năm 2024

### THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước  
bến cầu cảng 3.000 DWT và bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT  
cảng Quốc tế Vĩnh Tân

**BTN - 18 - 2024**

Vùng biển: Tỉnh Bình Thuận

Căn cứ Đơn đề nghị số 193/CV-VTIP ngày 11/10/2024 của Công ty Cổ phần cảng quốc tế Vĩnh Tân về việc công bố thông báo hàng hải độ sâu luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT và bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT cảng Quốc tế Vĩnh Tân.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật độ sâu luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT và bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT cảng Quốc tế Vĩnh Tân như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 30.000 DWT:

1.1. Luồng vào, vũng quay tàu cầu cảng 30.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

1.1.1. Khu vực 1:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
8'	11°18'44,3" N	108°48'54,7" E	11°18'40,6" N	108°49'01,1" E
8	11°18'43,4" N	108°48'54,9" E	11°18'39,7" N	108°49'01,3" E
9	11°18'30,0" N	108°48'53,3" E	11°18'26,3" N	108°48'59,7" E
N3	11°18'03,4" N	108°49'06,1" E	11°17'59,7" N	108°49'12,5" E
N2'	11°17'55,2" N	108°49'11,9" E	11°17'51,5" N	108°49'18,4" E
N4'	11°17'51,9" N	108°49'05,8" E	11°17'48,2" N	108°49'12,2" E
N4	11°18'01,5" N	108°49'01,9" E	11°17'57,8" N	108°49'08,3" E
10	11°18'28,1" N	108°48'49,1" E	11°18'24,4" N	108°48'55,5" E
11'	11°18'38,1" N	108°48'44,3" E	11°18'34,4" N	108°48'50,8" E
12'	11°18'42,5" N	108°48'45,7" E	11°18'38,8" N	108°48'52,2" E

- Xuất hiện các điểm có độ sâu 9,3 m; 9,9 m; 10,1 m; 10,0 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
9,3	11°18'34,6" N	108°48'46,6" E	11°18'30,9" N	108°48'53,0" E
9,9	11°18'17,5" N	108°48'58,2" E	11°18'13,8" N	108°49'04,6" E
10,1	11°18'15,0" N	108°48'57,5" E	11°18'11,3" N	108°49'03,9" E

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
10,0	11°18'13,6" N	108°48'59,1" E	11°18'09,9" N	108°49'05,5" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu khu vực này được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,2 m.

1.1.2. Khu vực 2:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
N2'	11°17'55,2" N	108°49'11,9" E	11°17'51,5" N	108°49'18,4" E
N2	11°17'53,3" N	108°49'13,3" E	11°17'49,5" N	108°49'19,8" E
N1	11°17'42,6" N	108°49'35,8" E	11°17'38,9" N	108°49'42,2" E
N6	11°17'38,9" N	108°49'25,6" E	11°17'35,2" N	108°49'32,1" E
N5	11°17'47,5" N	108°49'07,5" E	11°17'43,8" N	108°49'14,0" E
N4'	11°17'51,9" N	108°49'05,8" E	11°17'48,2" N	108°49'12,2" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12,3 m.

1.2. Khu nước trước bến số 2, cầu cảng 30.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
7	11°18'45,9" N	108°48'54,3" E	11°18'42,2" N	108°49'00,8" E
8'	11°18'44,3" N	108°48'54,7" E	11°18'40,6" N	108°49'01,1" E
12'	11°18'42,5" N	108°48'45,7" E	11°18'38,8" N	108°48'52,2" E
13'	11°18'44,3" N	108°48'46,3" E	11°18'40,5" N	108°48'52,7" E

- Xuất hiện các điểm có độ sâu 10,3 m; 10,8 m; 10,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
10,3	11°18'44,6" N	108°48'48,4" E	11°18'40,9" N	108°48'54,8" E
10,8	11°18'45,7" N	108°48'53,5" E	11°18'41,9" N	108°48'59,9" E
10,9	11°18'45,9" N	108°48'54,3" E	11°18'42,1" N	108°49'00,7" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên, độ sâu khu vực này được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 11,1 m.

2. Trong phạm vi khảo sát luồng vào, vũng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

2.1. Luồng vào cầu cảng 3.000 DWT:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
QT-4	11°18'37,2" N	108°48'55,6" E	11°18'33,5" N	108°49'02,0" E
BT-1	11°18'26,3" N	108°48'58,6" E	11°18'22,6" N	108°49'05,0" E
BP-1	11°18'27,0" N	108°49'02,0" E	11°18'23,3" N	108°49'08,4" E
QT-6	11°18'39,5" N	108°48'59,3" E	11°18'35,8" N	108°49'05,8" E



Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5,0 m.

2.2. Khu nước vũng quay tàu trước cầu cảng 3.000 DWT:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN2-3	11°18'46,2"N	108°48'55,5"E	11°18'42,5"N	108°49'01,9"E
KN3-3	11°18'46,5"N	108°48'56,9"E	11°18'42,8"N	108°49'03,4"E
KN3-2	11°18'50,5"N	108°48'56,0"E	11°18'46,8"N	108°49'02,5"E
QT-8	11°18'48,8"N	108°49'01,5"E	11°18'45,1"N	108°49'07,9"E
QT-7	11°18'45,3"N	108°49'02,2"E	11°18'41,6"N	108°49'08,7"E
QT-6	11°18'39,5"N	108°48'59,3"E	11°18'35,8"N	108°49'05,8"E
QT-4	11°18'37,2"N	108°48'55,6"E	11°18'33,5"N	108°49'02,0"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 4,0 m.

2.3. Khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN3-1	11°18'50,2"N	108°48'54,6"E	11°18'46,5"N	108°49'01,0"E
KN3-2	11°18'50,5"N	108°48'56,0"E	11°18'46,8"N	108°49'02,5"E
KN3-3	11°18'46,5"N	108°48'56,9"E	11°18'42,8"N	108°49'03,4"E
KN2-3	11°18'46,2"N	108°48'55,5"E	11°18'42,5"N	108°49'01,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 4,0 m.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân <sup>(1)</sup>.

**Ghi chú:** Số liệu độ sâu căn cứ các bình đồ ký hiệu QTVT\_2410\_01; QTVT\_2410\_02, tỷ lệ 1/2000 và QTVT\_2410\_03, tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 10 năm 2024.

**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng Cty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH<sub>Đat</sub>.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Tuấn Anh**

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

### Danh sách nơi nhận kèm theo

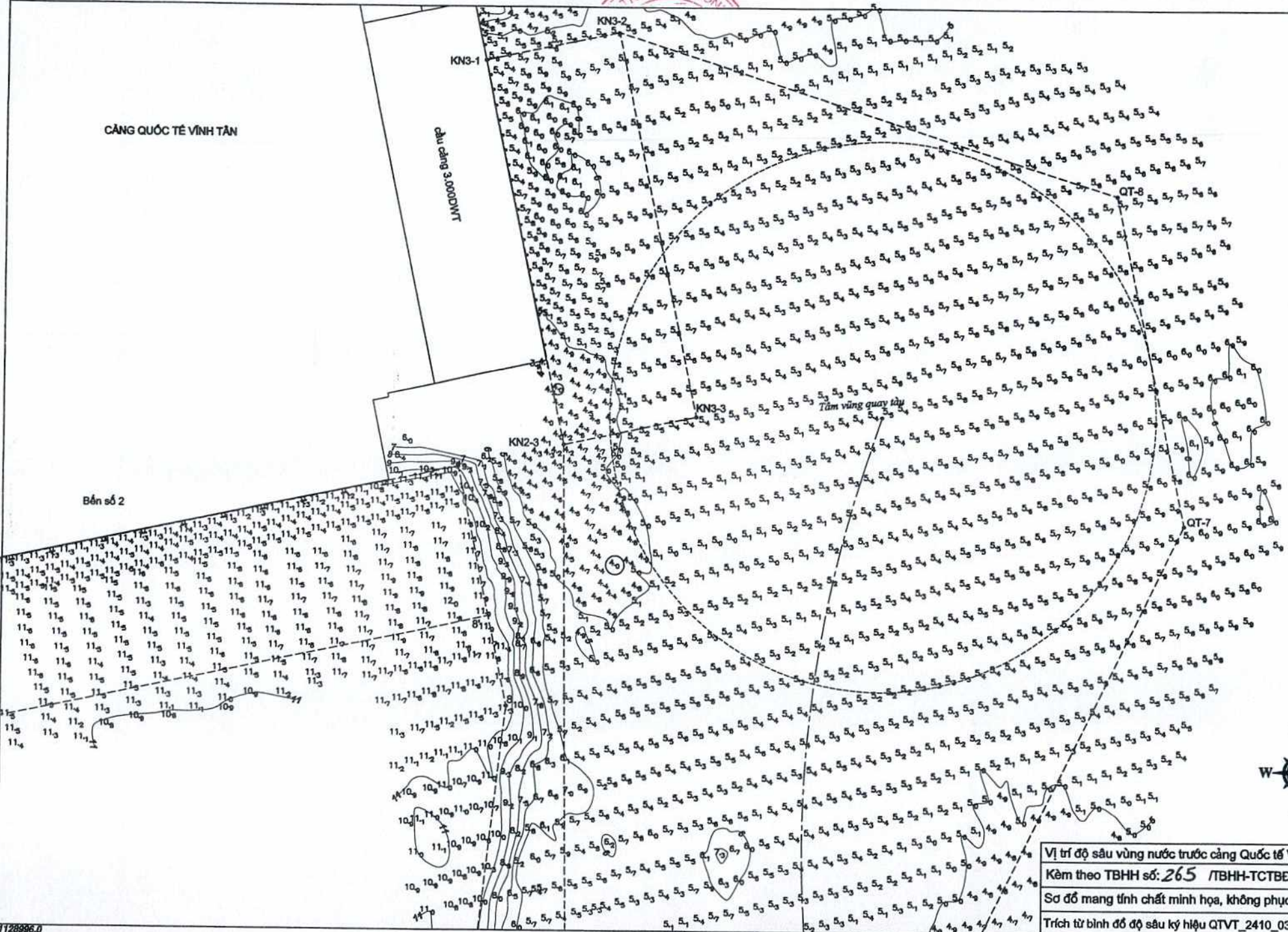
- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực III
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
  - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
  - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
  - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
  - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
  - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
  - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
  - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
  - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
  - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
  - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
  - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
  - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
  - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 17 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 19 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 20 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Thuận
- 25 Sở GTVT tỉnh Bình Thuận
- 26 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Thuận
- 27 Đài thông tin Duyên hải Phan Thiết
- 28 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 29 Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân

79C  
ĐÀ  
GH  
M  
RIAV

CẢNG QUỐC TẾ VINH TÂN

đầu cảng 3.000DWT

Bến số 2



Vị trí độ sâu vùng nước trước cảng Quốc tế Vinh Tân  
 Kèm theo TBHH số: 265 /TBHH-TCTBDATHMN  
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải  
 Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu QTVT\_2410\_03, tỷ lệ 1/1.000

Kinh tuyến trực 108 độ 30 phút, múi chiều 3 độ